|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ | **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIAO TIẾP SƯ PHẠM** | Lần ban hành:…….  Ngày ban hành:…../…./…….  Số trang:……/……. |

**1. Thông tin chung**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Trần Hằng Ly**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý-Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: lyth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học giáo dục

***Giảng viên 2:* Dương Thị Thanh Thanh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý-Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: thanhdtt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học giáo dục

***Giảng viên 3:* Lê Thục Anh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý-Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: anhlt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học giáo dục

***Giảng viên 4:* Dương Thị Linh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý-Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: linhdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học giáo dục

***Giảng viên 5:* Trần Mỹ Linh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý-Giáo dục, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: linhtm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học giáo dục

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên học phần: **COMMUNICATION PEDAGOGY** | |
| - Mã số học phần: EDU20011 | |
| - Thuộc CTĐT trình độ đại học (các) ngành: Quản lý giáo dục, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Chính trị học, Sư phạm xã hội | |
| - Thuộc khối học phần:  Học phần đại cương chung và nhóm ngành  Học phần cơ sở ngành  Học phần chuyên ngành | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn |
| - Phương pháp dạy học: Dạy học dự án | Phương pháp dạy học khác |
| - Số tín chỉ: 3  - Phân tiết:  + Số tiết tự học trên LMS trước khi đến lớp (LMS1): 60  + Số tiết học lý thuyết trực tiếp trên lớp bao gồm bài tập, thảo luận (LT):15 tiết lý thuyết và 30 tiết thảo luận  + Số tiết học ở phòng thí nghiệm hoặc địa điểm thực hành trong trường (TH): 0  + Số tiết học triển khai tại các cơ sở thực hành, thực tập ngoài trường (NT): 0  + Số tiết tự học, luyện tập ở nhà sau thời gian lên lớp (LMS2): 30 | |
| - Điều kiện đăng ký học:  + Học phần tiên quyết: {*Tên học phần (Mã học phần)*}  + Học phần học trước: {*Tên học phần (Mã học phần)*} | |
| - Điều kiện được thi cuối kỳ:  + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%;  + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS;  + Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên. | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa TLGD, Trường Sư phạm | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Giao tiếp sư phạm* là học phần tự chọn 1, dùng cho các nhóm ngành Giáo dục tiểu học (GDTH), Giáo dục mầm non (GDMN) và Quản lý giáo dục (QLGD). Thông qua học phần này, sinh viên được trang bị những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm, hệ thống lý thuyết và thực hành nhằm hình thành cho người học những kỹ năng và năng lực giao tiếp sư phạm; qua đó người học có thể phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống sư phạm nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp, ứng xử chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

1. Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các chuẩn đầu ra CTĐT sau (theo QĐ số... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PLO** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | **Điểm năng lực trung bình tối thiểu {Mức năng lực}** |
| 1.1.2 | Vận dụng kiến thức ngành sư phạm, tâm lí học, giáo dục trong hoạt động nghề nghiệp | 2,5 {Mức 3} |
| 2.1.1 | Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của người cán bộ quản lí giáo dục trong hoạt động nghề nghiệp | 2,5 {Mức 3} |
| 3.1.1 | Thể hiện giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng tham gia vào hoạt động quản lí giáo dục | 3,5 {Mức 4} |

**3. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | **Chuẩn đầu ra học phần (CLO)** | **Đóng góp cho PLO** | **Trọng số của CTĐT** | **Điểm năng lực cần đạt** |
| 1.1.2.1 | Sử dụng được phương tiện, nguyên tắc, phong cách giao tiếp sư phạm trong xử lý các tình huống sư phạm. | 1.1.2 | 5% | 2,5 {Mức 3} |
| 2.1.1.1 | Tuân thủ nguyên tắc sư phạm trong thực hiện giao tiếp sư phạm với các lực lượng giáo dục khác nhau | 2.1.1 | 5% | 2,5 {Mức 3} |
| 2.1.1.2 | Sử dụng phối hợp hiệu quả các phong cách giao tiếp sư phạm trong các tình huống thực tiễn | 5% | 2,5 {Mức 3} |
| 3.1.1.1 | Phối hợp linh hoạt các kĩ năng giao tiếp sư phạm cơ bản trong quá trình xử lý tình huống sư phạm với các đối tượng giao tiếp | 3.1.1 | 5% | 3,5 {Mức 4} |

**4. Kiểm tra, đánh giá**

***4.1.*** ***Các bài đánh giá***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá/(%)** | **CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá** | **Điểm năng lực cần đạt** | **Trọng số** | **Hình thức đánh giá** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên (***chiếm 50% điểm số học phần***)** | | | | |
| A1.1 | CLO.2.1.1.1 {điểm số} | 3.5 | 20% | Chuyên cần thái độ, tự học LMS |
| A1.2 | CLO.2.1.1.2 {điểm số và điểm năng lực} | 3.5 | 40% | Quan sát |
| A1.3 | CLO.1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực} | 2.5 | 40% | Trắc nghiệm lí thuyết |
| **A2. Đánh giá cuối kì (***chiếm 50% điểm số học phần***)** | | | | |
| A2.1 | CLO.1.1.2.1{điểm số và điểm năng lực} | 3.5 | 20% | Tự luận |
| CLO.2.1.1.1{điểm số và điểm năng lực} | 3.5 | 40% |
| CLO.3.1.1.1{{điểm số và điểm năng lực} | 3.5 | 40% |

**Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:**

|  |
| --- |
| + A1.240% |

**Công thức tính điểm số cuối kỳ**:

|  |
| --- |
|  |

**Công thức tính điểm số của học phần:**

***4.2. Ma trận bài thi trắc nghiệm khách quan***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra CLO** | | **Tổng số câu** | **Số câu** | **Số điểm**  **cần đạt (50%)** | **Mô tả yêu cầu** |
| CLO.1.1.2.1 (100%) | Mức 2 | **50** | 20 | 10 | So sánh được các loại giao tiếp sư phạm, Phân loại được các phương tiện, phong cách giao tiếp sư phạm |
| **Mức 3** | **30** | **15** | Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong xử lý tình huống sư phạm |
| **Tổng** | | | **50** | **25** |  |

**Công thức tính điểm số bài A1.3 là:**

*Điểm số A1.3 = {Số câu trả lời đúng \* 10}/50*

**Xác định điểm năng lực các CLO:**

- Điểm năng lực của một CLO tại một bài đánh giá được quy đổi từ tỉ lệ % hoàn thành ứng với các mức theo các công thức trong *Bảng 2*:

***Bảng 2.*** *Công thức quy đổi từ tỉ lệ % hoàn thành một mức sang điểm năng lực*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mức năng lực** | **Công thức thể hiện mối liên hệ giữa tỉ lệ % hoàn thành mỗi mức và điểm năng lực của mức đó** |
| Mức 1 |  |
| Mức 2 |  |
| Mức 3 |  |
| Mức 4 |  |
| Mức 5 |  |

Mối liên hệ giữa điểm năng lực với các tỉ lệ % hoàn thành cụ thể của từng mức năng lực có thể xem tại *Bảng 3*.

***Bảng 3.*** Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

***Bảng 3.*** *Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tỉ lệ hoàn thành | Điểm năng lực | Tỉ lệ hoàn thành | Điểm năng lực | Tỉ lệ hoàn thành | Điểm năng lực | Tỉ lệ hoàn thành | Điểm năng lực | Tỉ lệ hoàn thành | Điểm năng lực |
| 1 | **50%** | **0.5** | **50%** | **1.5** | **50%** | **2.5** | **50%** | **3.5** | **50%** | **4.5** |
| 2 | 55% | 0.6 | 55% | 1.6 | 55% | 2.6 | 55% | 3.6 | 55% | 4.6 |
| 3 | **60%** | **0.7** | **60%** | **1.7** | **60%** | **2.7** | **60%** | **3.7** | **60%** | **4.6** |
| 4 | 65% | 0.8 | 65% | 1.8 | 65% | 2.8 | 65% | 3.8 | 65% | 4.7 |
| 5 | **70%** | **0.9** | **70%** | **1.9** | **70%** | **2.9** | **70%** | **3.9** | **70%** | **4.7** |
| 6 | 75% | 1.0 | 75% | 2.0 | 75% | 3.0 | 75% | 4.0 | 75% | 4.8 |
| 7 | **80%** | **1.0** | **80%** | **2.0** | **80%** | **3.0** | **80%** | **4.0** | **80%** | **4.8** |
| 8 | 85% | 1.1 | 85% | 2.1 | 85% | 3.1 | 85% | 4.1 | 85% | 4.9 |
| 9 | **90%** | **1.2** | **90%** | **2.2** | **90%** | **3.2** | **90%** | **4.2** | **90%** | **4.9** |
| 10 | 95% | 1.3 | 95% | 2.3 | 95% | 3.3 | 95% | 4.3 | 95% | 5.0 |
| 11 | **100%** | **1.4** | **100%** | **2.4** | **100%** | **3.4** | **100%** | **4.4** | **100%** | **5.0** |

***4.3. Ma trận bài thi tự luận***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra CLO** | | **Chủ đề nội dung** | **Điểm số theo MNL** | **Số điểm cần đạt (50%)** | **Mô tả yêu cầu cơ bản** |
| 1.1.2.1  (20%) | Mức 3 | **1 câu**  (2 điểm) | 0.8 | 0.4 | Vận dụng được các loại giao tiếp sư phạm, quy trình giao tiếp sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp |
| **Mức 4** | **1.2** | **0.6** | Sử dụng được các phương tiện giao tiếp sư phạm, phân tích được các nguyên tắc, phong cách giao tiêps sư phạm |
| 2.1.1.1 (40%) | Mức 3 | **1 câu**  4.0 điểm | 1.6 | 0.8 | Tôn trọng các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong xử lý tình huống sư phạm |
| **Mức 4** | **2.4** | **1.2** | Xây dựng phong cách giao tiếp sư phạm phù hợp |
| 3.1.1.1  (40%) | Mức 3 | **1 câu**  (4.0 điểm) | 1.6 | 0.8 | Xây dựng được quy trình xử lý tình huống sư phạm khoa học |
| **Mức 4** | 2.4 | **1.2** | Đánh giá được các tình huống sư phạm nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn |
| **Tổng** | | | **10.0** | **5.0** |  |

***4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra về kỹ năng, thái độ***

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  TRƯỜNG SƯ PHẠM  **Khoa Tâm lý – Giáo dục** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**Bài đánh giá A.1.1**

1. Nhóm học viên/sinh viên: …………………………;

2. Lớp:

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]** | | **Khoảng điểm** | **Trọng số/**  **Điểm số đánh giá** |
| **CLO.2.1.1.1. Tuân thủ nguyên tắc sư phạm trong thực hiện giao tiếp sư phạm với các lực lượng giáo dục khác nhau [mức năng lực: 2,5]** | |  | **100%** |
| Tiêu chí 1 | Tuân thủ các nguyên tắc sư phạm trong giao tiếp với các lực lượng giáo dục khác nhau | | **50 %** |
| Tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc sư phạm trong giao tiếp với các lực lượng giáo dục khác nhau | 8-10 |  |
| Tuân thủ tương đối đầy đủ các nguyên tắc sư phạm trong giao tiếp với các lực lượng giáo dục khác nhau | 6- 8 |  |
| Tuân thủ một số các nguyên tắc sư phạm trong giao tiếp với các lực lượng giáo dục khác nhau | 5-7 |  |
| Chưa tuân thủ các nguyên tắc sư phạm trong giao tiếp với các lực lượng giáo dục khác nhau | 0 - 4 |  |
| Tiêu chí 2 | **Thực hiện các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong xử lý tình huống sư phạm** | | **50%** |
| Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong xử lý tình huống sư phạm | 8-10 |  |
| Thực hiện được các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong xử lý tình huống sư phạm | 6- 8 |  |
| Thực hiện được một số các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong xử lý tình huống sư phạm | 5-7 |  |
| Chưa thực hiện được các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong xử lý tình huống sư phạm | 0 - 4 |  |
| **Điểm tổng kết** | | | **……/10** |

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:.....................................................................Bằng chữ: .........................

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT GIẢNG VIÊN THỨ HAI

*(Ký, ghi rõ họ và tên) (Ký, ghi rõ họ và tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  TRƯỜNG SƯ PHẠM  **Khoa Tâm lý – Giáo dục** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**Bài đánh giá A.1.2**

1. Nhóm học viên/sinh viên: …………………………;

2. Lớp:

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]** | | **Khoảng điểm** | **Trọng số/**  **Điểm số đánh giá** |
| **CLO 2.1.1.2. Sử dụng phối hợp hiệu quả các phong cách giao tiếp sư phạm [mức năng lực: 3,5]** | |  | **100%** |
| Tiêu chí 1 | **Xây dựng được phong cách giao tiếp phù hợp trong thực hiện hoạt động sư phạm** | | **50%** |
| Xây dựng được phong cách giao tiếp sư phạm phù hợp trong thực hiện hoạt động động sư phạm | 8 -10 |  |
| Xây dựng được phong cách giao tiếp sư phạm tương đối phù hợp trong thực hiện hoạt động động sư phạm | 5 - 7 |  |
| Xây dựng phong cách giao tiếp sư phạm chưa phù hợp trong thực hiện hoạt động động sư phạm | 0 - 4 |  |
| Tiêu chí 2 | **Sử dụng phong cách giao tiếp sư phạm phù hợp khi thực hiện giao tiếp** | | **50%** |
| Sử dụng phong cách giao tiếp sư phạm phù hợp khi thực hiện giao tiếp | 8 -10 |  |
| Sử dụng phong cách giao tiếp sư phạm tương đối phù hợp khi thực hiện giao tiếp | 5 - 7 |  |
| Sử dụng phong cách giao tiếp sư phạm chưa phù hợp khi thực hiện giao tiếp | 0 - 4 |  |
| **Điểm tổng kết** | | | **……/10** |

5. Kết quả:

5.1. Điểm số: ......................................................

Bằng chữ: .....................................................

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (*Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực*).

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT GIẢNG VIÊN THỨ HAI

*(Ký, ghi rõ họ và tên) (Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Lưu ý*: Đối với bài đánh giá thường xuyên chỉ cần 01 giảng viên đánh giá; Đối với bài đánh giá cuối kì, cần ít nhất 02 giảng viên đánh giá.

**5. Tài liệu học tập**

***5.1. Giáo trình:***

[1] Trần Hằng Ly*, Bài giảng Giao tiếp sư phạm, Trường ĐH Vinh, 2024, Tài liệu lưu hành nội bộ.*

[2] Nguyễn Bá Minh, *Giáo trình Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Đại học sư phạm 2014.

***5.2. Tài liệu tham khảo*:**

[1] Bùi Văn Huệ, Nghệ thuật ứng xử sư phạm, NXB Đại học sư phạm, 2004.

[2] Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Thị Ngọc Tú, Giáo trình Giao tiếp sư phạm, NXB Đại học Sư phạm, 2018.

**6. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề/bài** | **Thời lượng (tiết)** | **Hoạt động dạy học** | **CLO** | **Bài đánh giá** |
| **1** | **Chương 1: Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm**  **(Lí thuyết: 5 tiết, thảo luận: 5 tiết, tự học: 30 tiết)** | | | | |
|  | Giai đoạn 1  {*Trước khi đến lớp*} | 10 | Học bài giảng E-Learning (LMS), tìm hiểu các khái niệm giao tiếp và giao tiếp sư phạm, Đặc trưng, phân loại, vai trò của giao tiếp sư phạm, Nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm, Quy trình giao tiếp sư phạm | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 5 | Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 1 (cấp độ 1 và 2) | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 5 | Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm; | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| Giai đoạn 2  {*Ở lớp*} | 5 | Lý thuyết:  1.1. Khái niệm giao tiếp và giao tiếp sư phạm  1.2. Đặc trưng, phân loại, vai trò của giao tiếp sư phạm  1.3. Nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm  1.4. Quy trình giao tiếp sư phạm  Phương pháp dạy học: thuyết trình, giải quyết vấn đề | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 3 | Bài tập:  Phân tích Đặc trưng, phân loại, vai trò của giao tiếp sư phạm | CLO.2.1.1.1 | A1.1 |
| 2 | Thảo luận nhóm: Nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm | CLO.2.1.1.1 | A1.1 |
| Giai đoạn 3  {*Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng*} | 5 | Ôn tập: Khái quát hóa các nội dung chương 1 dưới hình thức sơ đồ tư duy | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 5 | Làm bài tập chương 1 | CLO.1.1.2.1  CLO.2.1.1.1 | A1.3  A1.1 |
|  | **Chương 2. Phương tiện giao tiếp sư phạm**  **(Lí thuyết: 5 tiết, thảo luận: 10 tiết, tự học: 30 tiết)** | | | | |
|  | Giai đoạn 1  {*Trước khi đến lớp*} | 10 | Học bài giảng E-Learning (LMS), đọc tài liệu và tìm hiểu Phương tiện ngôn ngữ trong giao tiếp sư phạm | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 5 | Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2. | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 5 | Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Phương tiện phi ngôn ngữ trong giao tiếp sư phạm | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| Giai đoạn 2  {*Ở lớp*} | 5 | Nghe giảng lý thuyết:  2.1. Phương tiện ngôn ngữ trong giao tiếp sư phạm  2.1.1. Ngôn ngữ nói trong GTSP  2.1.2. Ngôn ngữ viết trong GTSP  2.2. Phương tiện phi ngôn ngữ trong giao tiếp sư phạm  2.2.1. Nét mặt, cử chỉ, điệu bộ  2.2.2. Hành vi  2.2.3. Trang phục  2.3. Phương tiện công nghệ trong giao tiếp sư phạm (email, điện thoại, mạng xã hội, tin nhắn…)  Phương pháp dạy học: thuyết trình, giải quyết vấn đề | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 10 | Thảo luận nhóm: Phương tiện công nghệ trong giao tiếp sư phạm | CLO.1.1.2.1  CLO.2.1.1.2 | A1.3  A1.2 |
| Giai đoạn 3  {*Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng*} | 5 | Ôn tập: Khái quát hóa các nội dung chương 2 dưới hình thức sơ đồ tư duy | CLO.1.1.2.1  CLO.2.1.1.2 | A1.3  A1.2 |
| 5 | Làm bài tập chương 2 | CLO.1.1.2.1  CLO.2.1.1.2 | A1.3  A1.2 |
|  | **Chương 3: Kĩ năng giao tiếp sư phạm**  **(Lí thuyết: 5 tiết, thảo luận: 10 tiết, tự học: 15 tiết)** | | | | |
|  | Giai đoạn 1  {*Trước khi đến lớp*} | 3 | Học bài giảng E-Learning (LMS) về Khái niệm kĩ năng và quy trình hình thành kĩ năng | CLO.3.1.1.1 | A2.1 |
| 2 | Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 3. | CLO.3.1.1.1 | A2.1 |
| 5 | Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Một số kĩ năng giao tiếp sư phạm cơ bản | CLO.3.1.1.1 | A2.1 |
| Giai đoạn 2  {*Ở lớp*} | 5 | Nghe giảng lý thuyết:  3.1. Khái niệm kĩ năng và quy trình hình thành kĩ năng  3.2. Một số kĩ năng giao tiếp sư phạm cơ bản  3.2.1. Kĩ năng làm quen, ổn định tổ chức  3.2.2. Kĩ năng lắng nghe, phản hồi trong giao tiếp sư phạm  3.2.3. Kĩ năng thuyết phục trong giao tiếp sư phạm  3.2.4. Kĩ năng quản lý cảm xúc trong giao tiếp sư phạm  3.2.5. Kĩ năng tổng kết, đánh giá trong giao tiếp sư phạm  Phương pháp dạy học: thuyết trình, giải quyết vấn đề | CLO.3.1.1.1 | A2.1 |
|  | 10 | - Thực hành: Kĩ năng làm quen, ổn định tổ chức  - Thực hành Kĩ năng tổng kết, đánh giá trong giao tiếp sư phạm | CLO.1.1.2.1 CLO.3.1.1.1 | A1.3  A2.1 |
| Giai đoạn 3  {*Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng*} | 3 | Ôn tập: Khái quát hóa các nội dung chương 3 dưới hình thức sơ đồ tư duy | CLO.1.1.2.1 CLO.3.1.1.1 | A1.3  A2.1 |
| 2 | Làm bài tập chương 3 | CLO.1.1.2.1 CLO.3.1.1.1 | A1.3  A2.1 |
|  | **Bài kiểm tra giữa kỳ** | |  | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
|  | **Chương 4: Thực hành giao tiếp sư phạm**  **(Lí thuyết: 0 tiết, thảo luận: 5 tiết, tự học: 15 tiết)** | | | | |
| Giai đoạn 1  {*Trước khi đến lớp*} | 3 | Học bài giảng E-Learning (LMS) về Tình huống sư phạm | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 2 | Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 4. | CLO.2.1.1.1 | A1.1 |
| 5 | Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Các bước xử lý tình huống sư phạm | CLO.2.1.1.2 | A1.2 |
| Giai đoạn 2  {*Ở lớp*} | 4 | Thảo luận:  4.1.Thực hành giao tiếp sư phạm giữa giáo viên với học sinh  4.2. Thực hành giao tiếp sư phạm giữa giáo viên với các lực lượng giáo dục khác  4.3. Thực hành xử lý tình huống sư phạm | CLO.1.1.2.1 | A1.3 |
| 1 | Thực hành  Thực hành xử lý tình huống sư phạm | CLO.1.1.2.1 CLO.3.1.1.1 | A1.3  A2.1 |
| Giai đoạn 3  {*Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng*} | 3 | Ôn tập: Khái quát hóa các nội dung chương 4 dưới hình thức sơ đồ tư duy | CLO.1.1.2.1 CLO.3.1.1.1 | A1.3  A2.1 |
| 2 | Làm bài tập chương 4 | CLO.1.1.2.1 CLO.3.1.1.1 | A1.3  A2.1 |
|  | **Bài thi kết thúc HP** | **Tự luận theo Rubric bài thi A2.1** | | CLO.1.1.2.1  CLO.2.1.1.2  CLO.3.1.1.1 | **A1.3A1.2A2.1** |
|  | Lấy ý kiến phản hồi | **Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1** | |  |  |

*Nghệ An, ngày........tháng.......năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng đơn vị cấp 2** | **Trưởng đơn vị cấp 3** | **Giảng viên phụ trách** |
|  |  |  |